







**I. PHƯƠNG TIỆN**

(VEHICLE)

Biển đăng ký: 36A-008.18

(Registration Number)

Số quản lý: 3601S-023132

(Vehicle Inspection No.)

Loại phương tiện: (Type) ô tô con

Nhãn hiệu: (Mark) FORD

Số loại: (Model code) FOCUS D33 QADD MT

Số máy: (Engine Number) QADD03452

Số khung: (Chassis Number) FL04DFDMMAUH03452

Năm, Nước sản xuất: 2010, Việt Nam

(Manufactured Year and Country)

Niên hạn SD:

(Lifetime limit to)

Kinh doanh vận tải (Commercial Use)

☐ Cải tạo (Modification)

☐

**2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT**

(SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 4x2

(Wheel Formula)

Vết bánh xe:

(Wheel Tread)

1535/1531

(mm)

Kích thước bao: (Overall Dimension)

4488 x 1840 x 1475

(mm)

Kích thước lòng thùng xe

(Inside cargo container dimension)

Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 2840

(mm)

Khối lượng bản thân: (Kerb mass)

1290

(kg)

Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT:

(Design/Authorized payload)

1795/-

(kg)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT:

(Design/Authorized total mass)

1795/-

(kg)

Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT:

(Design/Authorized towed mass)

1795/-

(kg)

Số người cho phép chở: 5 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm

(Permissible No. of Persons Carried: seat, stood place, lying place)

Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Xăng

1798

(cm<sup>3</sup>)

Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement)

96(kW)/6000vph

(Max. output/rpm)

Công suất lớn nhất/lúc đồ quay: (Max. output/rpm)

96(kW)/6000vph

(Max. output/rpm)

Số sê-ri: (No.) DA-5425273

86FBA362

(No.)

Số lượng lốp, cỡ lốp/lực (Number of tires, Tire size/calc)

1: 2: 195/65R15

2: 2: 195/65R15

Số phiếu kiểm định

(Inspection Report No)

3603D-30114/23

Có hiệu lực đến hết ngày

(Valid until)

17/07/2024

Trình bày ngày 18 tháng 7 năm 2023

(Presented on: Day/Month/Year)

ĐƠN VI KIỂM ĐỊNH

(INSPECTION CENTER)

PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Văn Thanh



Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachogaph)

Có lắp camera (Equipped with camera)

Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued)

Ghi chú: Biển đăng ký nền xanh



## CHỨ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

*Vehicle owners, drivers are to be aware of the following:*

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

*When operating a vehicle in traffic, the certificate of inspection must be displayed. Return certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Center.*

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đại trưc công trình.

*When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward in.*

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tính trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

*During two consecutive inspections, perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition.*

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

*When receiving, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No. ... the concerned Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.*

5. Xe cơ gín bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

*A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.*

6. Giấy chứng nhận kiểm định không sử dụng làm căn cứ khi chuyển nhượng phương tiện.

*A certificate of inspection should not be used as a basis for transferring vehicle.*

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM  
MOT - Vietnam Register

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG  
PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

PERSONAL INSPECTION CERTIFICATE  
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL, SAFETY  
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS



5425273